

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2022/DS-ST**

Ngày: 24-01-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Duy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Trần Thị Nga

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 463/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 29/2021/QĐST-DS ngày 29/12/2021 và số 04/2022/QĐST-DS ngày 13/01/2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1972  
Địa chỉ: số 1 Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.  
***Người đại diện hợp pháp của bà H:*** Ông **Nguyễn Bảo S**, sinh năm 1966;  
Địa chỉ: số 2 Đường D, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. ***Bị đơn:*** Ông **Huỳnh Công N**, sinh năm 1981  
Địa chỉ: Số 3 ấp F, xã G, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.  
***Người đại diện hợp pháp:*** Bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1998  
Địa chỉ: Số 4 đường I, xã K, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. ***Người làm chứng:*** Bà **Đặng Thị L**, sinh năm: 1984  
Địa chỉ: số 1 Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.  
(ông S, bà H1 có mặt; bà L vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 30/7/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/10/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:***

Bà Nguyễn Thị H có cho ông Huỳnh Công N vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay tiền ông N đều có viết giấy vay tiền. Đến ngày 14/4/2019 ông N có vay thêm bà H 83.000.000 đồng nên bà H có yêu cầu ông N viết giấy mượn tiền cộng gộp số tiền vay của các lần trước thành một giấy vay tiền và ông N đã viết giấy tay xác nhận có vay của bà H tổng số tiền 378.500.000 đồng. Các bên thỏa thuận cho vay lãi suất 2%/tháng, nhưng trong giấy vay tiền không ghi lãi suất.

Sau đó, ông N không trả tiền lãi cũng như vốn nên vào ngày 09/9/2019 bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Công N đến phòng công Chứng An Lạc ký kết hợp đồng vay tài sản với số tiền vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng với thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 1,1%/tháng với mục đích vay tiêu dùng, ông N trả lãi hàng tháng vào ngày 30 dương lịch của tháng.

Đến hết thời hạn vay tiền theo như thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền ngày 19/9/2019 nhưng ông N không trả vốn gốc cho bà H như thỏa thuận. Nên vào các ngày 24/6/2020, 03/7/2020, 07/7/2020 bà H đã phát đi các thông báo yêu cầu trả nợ đối với ông N nhưng ông N không phản hồi.

Ngày 30/7/2020 bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Công N trả số tiền 555.000.000 đồng gồm 500.000.000 đồng tiền vốn gốc theo hợp đồng vay ngày 09/9/2019 và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 09/9/2019 đến ngày 09/7/2020 là 55.000.000 đồng và tiếp tục trả lãi đến khi hoàn tất việc trả nợ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Bảo S là người đại diện hợp pháp của bà H thay đổi yêu cầu và rút lại yêu cầu khởi kiện số tiền vốn gốc 500.000.000 đồng và lãi 55.000.000 đồng; Bà H yêu cầu ông N trả tiền vốn 378.500.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 14/4/2019 cho đến khi trả dứt nợ.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

***Bị đơn ông Huỳnh Công N – có người đại diện hợp pháp là bà Lê Thị H1 trình bày:***

Ông Huỳnh Công N có vay tiền của bà Nguyễn Thị H nhiều lần, mỗi lần từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, ông N không nhớ chính xác thời gian và số lần vay tiền của bà H vì mỗi lần vay đều ký nhận vào sổ của bà H và bà H đang giữ chứng cứ này, ông N không giữ bất kỳ giấy vay tiền nào.

Sau khi vay tiền bà H, ông N không có khả năng trả nợ cho bà H nên bà H yêu cầu ông N ra công chứng ký hợp đồng công chứng vay tiền với số tiền vay là 500.000.000 đồng hợp thức hóa các khoản vay trước đây của ông N đã vay của Hồng. Thực tế, đôi bên chỉ ký hợp đồng vay tiền ngày 09/9/2019 tại Văn phòng công chứng An Lạc mà không có sự giao nhận tiền giữa các bên.

Đối với giấy vay tiền ngày 14/4/2019, ông N xác nhận ông viết theo yêu cầu của bà H để làm tin, thực chất ngày 14/4/2019 ông N không nhận số tiền 378.500.000 đồng từ bà H.

Bà H1 đại diện ông N xác nhận là ông N chỉ vay của bà H tổng số tiền 83.000.000 (tám mươi ba triệu) đồng. Do đó, ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông N chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền 83.000.000 (tám mươi ba triệu) đồng cùng lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bà đại diện ông N không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

**Người làm chứng bà Đặng Thị L trình bày:** Bà là em của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Bà có biết ông Huỳnh Công N (tên thường gọi là Tiên) có vay tiền của bà H nhiều lần nhưng không rõ số tiền bao nhiêu. Ngày 14/4/2019 bà H có nhờ bà bán số vàng và đưa cho ông N vay số tiền 83.000.000 đồng. Bà có chứng kiến ông N tự viết giấy mượn tiền ngày 14/4/2019 và tự ghi số tiền vay là 378.500.000 đồng, khi ông N viết giấy mượn tiền xong thì bà ký tên người làm chứng. Ngoài ra bà không biết gì thêm.

Tại phiên tòa, **đại diện Viện kiểm sát** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng ông N viết giấy mượn tiền chỉ để làm tin, số tiền 378.500.000 đồng là số tiền gốc 83.000.000 đồng và tiền lãi 10%/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Căn cứ vào lời trình bày của người làm chứng bà Đặng Thị L trong bản tự khai là bà L là em của bà H, bà L biết ông N (tên thường gọi là T), ông N có đến nhà bà L uống cà phê. Qua đó, bà L biết ông N có mượn tiền của bà H nhiều lần nhưng bà L không rõ bao nhiêu. Ngày 14/4/20219, bà H có nhờ bà L bán số vàng và đưa cho ông N 83.000.000 đồng. Bà L có chứng kiến ông N tự viết giấy mượn tiền ngày 14/4/2019 và tự ghi số nợ là 378.500.000 đồng, khi ông N viết xong giấy mượn tiền thì bà L ký tên làm chứng. Ngoài ra, bà L không biết gì thêm. Từ việc bà L có bản tự khai xác định có nhìn thấy và ký vào giấy mượn tiền do ông N viết tay và giấy mượn tiền này đã được nêu trong buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng phía bị đơn không có ý kiến, tại phiên tòa ngày 29/12/2021 đại diện của bị đơn trình bày không xác định được bị đơn có viết giấy mượn tiền hay không nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án để tiến hành đối chất, đồng thời bị đơn có bản tường trình thừa nhận giấy mượn tiền ngày 14/4/2019 là do bị đơn viết nên có căn cứ để xác định giấy mượn tiền phía nguyên đơn cung cấp là do ông Huỳnh Công N viết.

Căn cứ lời khai của bà L kết hợp với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn là ông N có vay của bà H nhiều lần, mỗi lần từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng thì có thể nhận định số tiền ông N vay của bà H lớn hơn số tiền 83.000.000 đồng.

Tại thời điểm viết giấy mượn tiền ông N không có quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền xác định ông N bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự nên có thể xác định thời điểm viết giấy mượn tiền ông N có khả năng nhận thức

và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm về những việc làm, giao dịch của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là 1%/tháng từ ngày 14/4/2019, phía bị đơn không thừa nhận số tiền vay theo giấy mượn tiền mà chỉ thừa nhận số tiền vay là 83.000.000 đồng và trả lãi 20%/năm. Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 14/4/2019 không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi suất và thời hạn vay nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi suất, nguyên đơn đã có thông báo đòi lại tiền gửi qua bưu điện vào các ngày 24/6/2019, 03/7/2020, 07/7/2020 tuy nhiên do trên vận đơn mà nguyên đơn cung cấp không có thể hiện chữ ký xác nhận của bị đơn nên thời điểm tính lãi là thời điểm phát sinh tranh chấp. Do đó, từ những phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc vay là 378.500.000 đồng, có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 30/7/2020.

Viện kiểm sát đề nghị:

- Đình chỉ phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện;
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: ông Huỳnh Công N phải trả bà Nguyễn Thị H số tiền gốc 378.500.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 31/7/2020.
- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và Ông Huỳnh Công N chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Huỳnh Công N. Ông N có nơi cư trú trên địa bàn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Vào ngày 09/09/2019 bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Công N đã ký hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng An Lạc với thỏa thuận bà H cho ông N vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng với thời hạn vay 03 tháng. Theo hợp đồng này thì đôi bên thỏa thuận việc giao nhận tiền do hai bên thực hiện ngoài sự công chứng của công chứng viên. Đại diện bị đơn xác nhận ông N có vay của bà H nhiều lần với số tiền mỗi lần vay từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nhưng không xác định được là vay bao nhiêu lần, không thừa nhận có vay số tiền 500.000.000 đồng trên hợp đồng vay tiền ngày 09/9/2019, cho rằng hợp đồng trên chỉ ký không, thực chất ông N chỉ vay bà H số tiền 83.000.000 đồng,

số tiền 500.000.000 đồng trên là bà H tính cả tiền lãi, bị đơn đề nghị nguyên đơn xuất trình chứng cứ việc nhận số tiền 500.000.000 đồng. Nguyên đơn xác nhận là thực chất cho ông N vay nhiều lần với số tiền 378.500.000 đồng nhưng do ông N không trả nên ngày 09/9/2019 bà H yêu cầu ông N đến công chứng ký hợp đồng vay tiền với số tiền 500.000.000 đồng gồm tiền vốn gốc và lãi suất, ngày 09/9/2019 bà H không có giao số tiền 500.000.000 đồng cho ông N. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ngày 09/9/2019 ông N không có vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện ông N số tiền vốn gốc 500.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng vay tiền lập ngày 09/9/2019 tại phòng công chứng An lạc và yêu cầu ông N trả số tiền 378.500.000 đồng cùng lãi suất 1%/tháng theo giấy mượn tiền lập ngày 14/4/2019. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi số tiền vay 500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền lập ngày 09/9/2019 tại phòng công chứng An Lạc và xét việc vay tiền theo giấy mượn tiền lập ngày 14/4/2019.

[5] Đại diện bị đơn xác nhận ông N có vay của bà H nhiều lần với số tiền mỗi lần vay từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nhưng không xác định được là vay bao nhiêu lần, không thừa nhận có vay số tiền 378.500.000 đồng như trên giấy mượn tiền ngày 14/4/2019. Lời khai của nguyên đơn và bị đơn có sự mâu thuẫn, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn và nguyên đơn đến Tòa án để đối chất làm rõ mâu thuẫn nhưng bị đơn vắng mặt, không tham gia phiên đối chất theo triệu tập của Tòa án. Bị đơn đưa ra lời trình bày nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. do đó Tòa án căn cứ Giấy mượn tiền ngày 14/4/2019 giữa bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Công N để xem xét giải quyết.

[6] Giấy mượn tiền ngày 14/4/2019 giữa bà Nguyễn Thị H và ông Huỳnh Công N thực chất là hợp đồng vay tài sản (vay tiền). Đại diện bị đơn xác nhận giấy mượn tiền trên là do ông N viết theo yêu cầu của bà H, lời khai này phù hợp với lời khai của người làm chứng. Giấy mượn tiền trên có ghi “Tôi có mượn của chị Nguyễn Thị H số tiền 378.500.000 (ba trăm bảy mươi tám triệu)”. Tại thời điểm viết giấy mượn tiền ông N không có quyết định nào của cơ quan có thẩm quyền xác định ông N bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự nên có thể xác định thời điểm viết giấy mượn tiền ông N có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm về những việc làm, giao dịch của mình. Như vậy, có căn cứ xác định ông N có vay của bà H số tiền 378.500.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng việc cho vay với lãi suất 2%/tháng, bị đơn cho rằng vay với lãi suất 5%/tháng. Như vậy, có căn cứ xác định ông N có vay của bà H số tiền 378.500.000 đồng, không thời hạn và có lãi suất nhưng không xác định được.

[7] Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng*

*số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

[8] Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

[9] Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

[10] Ngày 24/6/2020, 03/7/2020, 07/7/2020 bà H đã gửi thư yêu cầu ông N trả tiền nhưng ông N không thanh toán cho bà H nên bà H khởi kiện ông N là có căn cứ và Hội đồng xét xử căn cứ vào ngày bà H khởi kiện (ngày 30/7/2020) để làm căn cứ tính lãi suất chậm thanh toán đối với ông N.

[11] Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận...Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

[12] Bà H yêu cầu ông N trả lãi từ ngày 14/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (tương đương 1017 ngày) với mức lãi suất là 1%/tháng, cụ thể: 378.500.000 đồng x 1%/tháng x 1017 ngày = 126.553.808 đồng.

[13] Do các bên không thống nhất được lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 468 bộ luật dân sự xác định mức lãi suất cho vay là 10%/năm. Như vậy, lãi suất mà ông N phải trả cho bà H tính từ ngày bà H khởi kiện (30/7/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (24/01/2022) là: 378.500.000 đồng x 10%/năm x 544 ngày = 56.412.054 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, phần lãi yêu cầu không được chấp nhận là: 126.553.808 đồng - 56.412.054 = 70.141.753 đồng.

[14] Tổng số tiền gốc và lãi ông N phải trả cho bà H tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 378.500.000 đồng + 56.412.054 đồng = 434.912.054 đồng.

[15] Quá trình thu thập chứng cứ Tòa án yêu cầu đại diện của ông N cung cấp họ tên cũng như địa chỉ của vợ ông N để Tòa án triệu tập vào tham gia tố tụng nhằm xác định khoản vay trên là nợ chung hay là nợ riêng của vợ chồng nhưng đại diện bị đơn không cung cấp. Nguyên đơn cũng chỉ xác định yêu cầu cá nhân ông N trả nợ trên nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định khoản vay trên là của cá nhân ông N.

[16] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử buộc ông Huỳnh Công N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 434.912.054 (bốn trăm ba mươi bốn triệu chín trăm mười hai ngàn không trăm năm mươi bốn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[17] Nếu ông Huỳnh Công N chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì ông N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[18] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp một phần nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện 500.000.000 đồng và lãi xuất 1,1%/tháng tính theo hợp đồng vay tiền lập ngày 09/9/2019 tại phòng công chứng An Lạc.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Huỳnh Công N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 434.912.054 (bốn trăm ba mươi bốn triệu chín trăm mười hai ngàn không trăm năm mươi bốn) đồng gồm: vốn gốc là 378.500.000 (ba trăm bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn) đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 30/7/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 56.412.054 (năm mươi sáu triệu bốn trăm mười hai ngàn không trăm năm mươi bốn) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thực hiện việc thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên thì ông N phải trả thêm lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Huỳnh Công N phải chịu 21.396.482 (hai mươi một triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.507.088 (ba triệu năm trăm lẻ bảy ngàn không trăm tám mươi tám) đồng, được căn trừ số tiền 13.100.000 (mười ba triệu một trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080211 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H được nhận số tiền chênh lệch 9.592.912 (chín triệu năm trăm chín mươi hai ngàn chín trăm mười hai) đồng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Duy Linh**